

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 02 - 2020



TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp.**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế.**

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- **Chi phí đóng góp vào các quỹ hiệp hội có được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp không?**
- **Khai nộp thuế TNCN khi chuyển nhượng BĐS đồng sở hữu.**
- **Tổ chức trả thu nhập có được Cơ quan Thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN khi ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế?**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Bộ luật Lao động số:45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**
- **Luật Chứng khoán số:54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**
- **Thông tư số:11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 02/2020

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. HỎI ĐÁP

Hỏi:

Cơ quan tôi thực hiện lựa chọn nhà thầu, trong quá trình mở thầu cả hai nhà thầu A và B đều có thư giảm giá và nhà thầu A có giá dự thầu sau giảm giá thấp hơn nhà thầu B. Tuy nhiên trong thư giảm giá của nhà thầu A có sai sót về ghi ngày phát hành. Cho tôi hỏi, với trường hợp thư giảm giá ghi thời gian nêu trên có đáp ứng tính hợp lệ của thư giảm giá hay không? Hay được xem là sai sót không nghiêm trọng theo "Mục 30. Sai sót không nghiêm trọng, Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu" và được Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để khắc phục sai sót (Cả hai nhà thầu đều được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nếu chấp thuận thư giảm giá sẽ làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu)?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Theo hướng dẫn tại Mục 23 Chương I Mẫu HSMT xây lắp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 6/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản là hồ sơ dự thầu đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong hồ sơ dự thầu mà:



- Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của công trình được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với hồ sơ mời thầu đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;
 - Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT.
- Theo đó, việc xác định sai sót không nghiêm trọng thực hiện trên cơ sở hướng dẫn nêu trên và thuộc trách nhiệm của tổ chuyên gia, bên mời thầu.

Hỏi:

Xin đề nghị Quý Bộ hướng dẫn Tôi trường hợp như sau: Nhà thầu A tham dự thầu gói thầu thi công xây dựng A có nộp đơn dự thầu trong đơn dự thầu có cam kết không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu A đã trúng thầu và ký hợp đồng. Trong quá trình thi công thì mới phát hiện nhà thầu A có cổ phần góp vốn trên 30% với nhà thầu thiết kế, vi phạm bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu (do trong đơn dự thầu nhà thầu đã cam kết không vi phạm bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu trong thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu). Cho tôi hỏi, trường hợp trên sẽ xử lý như thế nào?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Khoản 4, Điều 89 Luật Đấu thầu quy định một trong các hành vi bị cấm trong đấu thầu là trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

Theo đó, trường hợp nhà thầu cung cấp thông tin không trung thực, vi phạm hành vi bị cấm theo quy định tại Khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu thì nhà thầu sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 3 năm đến 5 năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, ngoài quy định của pháp luật về đấu thầu, tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của các pháp luật khác có liên quan.

Hỏi:

Cơ quan tôi là bên mời thầu cho gói thầu chào hàng cạnh tranh rút gọn. Trong đó có một nhà thầu là doanh nghiệp tư nhân tham gia nộp hồ sơ dự thầu, đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Cho tôi hỏi, loại hình doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân, vậy khi chấm thầu nhà thầu này có được đánh giá là có tư cách hợp lệ theo Khoản 1, Điều 5 Luật Đấu thầu không? Theo quy định nào để bên mời thầu đánh giá là nhà thầu hạch toán độc lập theo Khoản 1, Điều 5 Luật Đấu thầu nêu trên?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Khoản 1, Điều 5 Luật Đấu thầu quy định nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu, nhà đầu tư đang hoạt động cấp;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật này
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.

Theo đó, khi tham dự thầu, nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu nêu trên mà không liên quan tới việc nhà thầu có phải là doanh nghiệp tư nhân hay không.

Hỏi:

Ngày 23/7/2019 đơn vị tôi báo tăng lao động, BHXH quận báo lỗi qua hộp thư điện tử, sau đó đơn vị được BHXH quận hướng dẫn để sang tháng 8/2019 báo tăng lại 2 tháng (từ tháng 7), nhưng đơn vị vẫn trích nộp đầy đủ tiền BHXH, BHYT, BHTN hàng tháng. Tương tự như vậy, tháng 8/2019 đơn vị báo tăng lao động nhưng vẫn không thành công và phải báo lại sang tháng 9/2019. Vậy, đơn vị của tôi có bị tính tiền lãi chậm đóng BHXH do báo chậm trên Cổng hồ sơ điện tử của BHXH không?

Trả lời:

Bảo hiểm xã hội Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 138 Luật BHXH năm 2006, Khoản 3 Điều 122 Luật

BHXH năm 2014, Khoản 3 Điều 49 Văn bản hợp nhất Luật BHYT số 01/VNHN-VPQH ngày 10/7/2014, đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi tính trên số tiền và thời gian chậm đóng.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc, trường hợp sau 6 tháng kể từ ngày có quyết định điều chỉnh tăng tiền lương mới thực hiện truy đóng BHXH, BHTN thì số tiền truy đóng bao gồm số tiền phải đóng BHXH, BHTN và tiền lãi tính trên số tiền và thời gian truy đóng BHXH, BHTN.

Đối chiếu quy định nêu trên, trường hợp đơn vị đã thực hiện trích, đóng vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chậm lập hồ sơ điều chỉnh số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN thì không phải nộp tiền lãi chậm đóng.

Hỏi:

Công ty tôi hàng tháng tính tiền thưởng hiệu suất công việc, số tiền biến động theo hàng tháng, tuy nhiên, trong hợp đồng lao động ghi thưởng hiệu quả công việc tối đa là 2,5 triệu đồng/tháng. Vậy, số tiền thưởng trên có phải đóng BHXH không?

Trả lời:

Bảo hiểm xã hội Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; Điều 30 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và



hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH đối với người lao động đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định từ ngày 1/1/2018 là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động.

Trong đó, mức lương ghi mức lương tính theo thời gian của công việc hoặc chức danh theo thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định của pháp luật lao động mà hai bên đã thỏa thuận. Đối với người lao động hưởng lương theo sản phẩm hoặc lương khoán thì ghi mức lương tính theo thời gian để xác định đơn giá sản phẩm hoặc lương khoán.

Phụ cấp lương: Các khoản phụ cấp để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động và mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ.

Các khoản bổ sung xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và trả thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương. Đề nghị Công ty nơi bà Thảo làm việc đối chiếu các quy định nêu trên để xác định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH theo đúng quy định.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính, Tôi hiện đang công tác tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Kể từ ngày 01/10/2019 Thông tư số 09/2016/TT-BTC và Thông tư số 64/2018/TT-BTC đã hết hiệu lực thi hành (do Nghị định số 32/2015/NĐ-CP là văn bản được quy định chi tiết đã hết hiệu lực). Vậy cho xin hỏi từ ngày 02/10/2019, cơ sở pháp lý để thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành được căn cứ vào đâu để thực hiện. Kính mong quý cơ quan sớm phúc đáp để đơn vị được hoàn thành nhiệm vụ.

Trả lời:

Tại Điều 154 Luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội quy định:

“Điều 154. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực: văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:

Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó. Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.”

Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (không phải là văn bản quy định chi tiết của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP); do đó, các Thông tư này chưa được xác định hết hiệu lực khi Nghị định số 32/2015/NĐ-CP hết hiệu lực.

Đề nghị Quý độc giả căn cứ quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước để thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành./.

Hỏi:

Người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại 15 năm trở lên, thì ngoài quyền lợi được nghỉ hưu sớm, khi tính lương hưu có được cộng thêm khoản phụ cấp nào khác vào lương hưu không hay vẫn tính lương hưu như người làm công việc bình thường?

Trả lời:

BHXH TP Hồ Chí Minh trả lời vấn đề này như sau:

Người lao động có 15 năm trở lên làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, theo quy định nam từ đủ 55 tuổi trở lên nữ từ đủ 50 tuổi trở lên được nghỉ hưu trước tuổi; khi tính lương bình quân để làm cơ sở để tính lương hưu căn cứ vào quá trình tham gia đóng BHXH được ghi nhận trên sổ BHXH của người lao động và cách tính lương hưu theo quy định tại Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong quy định của Luật BHXH năm 2016 không có cộng thêm khoản phụ cấp nào khác vào lương hưu cho người lao động nghỉ hưu trước tuổi khi làm công việc nặng nhọc, độc hại.

Hỏi:

Công ty mua cá tra sống của chủ cơ sở không có hóa đơn GTGT đầu vào. Sau đó thuê đơn vị gia công mặt hàng này, chi phí gia công (5% VAT), chi phí hóa chất, thùng, PE (VAT10%), chi phí vận chuyển, phí dịch vụ hải quan (10%). Sau đó xuất khẩu cá tra phi lê sang thị trường Trung Quốc. Vậy xin được hỏi Quý Bộ Tài chính, công ty có được hoàn thuế GTGT đối với khoản chi phí nêu trên không?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản sửa đổi, bổ sung,

Trường hợp Công ty của Ông có hoạt động xuất khẩu cá tra phi lê đáp ứng điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa xuất khẩu theo quy định thì Công ty lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế đối với thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu này.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính! Công ty chúng tôi kinh doanh mặt hàng mỹ phẩm, Công ty muốn hỏi hạch toán về việc tiêu hủy hàng hóa hết hạn sử dụng: 1. Theo Công ty tìm hiểu và quy định tại Điều 45, Thông tư 200/2014/TT-BTC thì trong năm tài chính hiện tại hạch toán như sau: “3.4. Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho ... c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi: Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng) Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng) Có các TK 152, 153, 155, 156. “ => Như vậy Công ty đang hiểu là năm trước phải trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Nợ TK 632 Có TK 229 2. Đối với trường hợp Công ty tôi như sau: Trong năm 2018 có tiêu hủy hàng hóa hết hạn sử dụng, nhưng cuối năm 2017 Công ty chưa thực hiện trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Xin hỏi Bộ Tài chính là: Trong năm 2018, Công ty hạch toán: Nợ TK 632/Có TK 156 có đúng không? Xin cảm ơn!

Trả lời:

Theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, về nguyên tắc việc kế toán tiêu hủy hàng tồn kho do hết hạn sử dụng được thực hiện như sau:

1. Nếu tại thời điểm 31/12/2017, hàng tồn kho không có dấu hiệu giảm giá, công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa.

2. Trường hợp tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có bằng chứng về việc hàng tồn kho bị giảm giá trị và công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK 156 - Hàng hóa.

3. Trường hợp tại 31/12/2017 công ty có bằng chứng về việc hàng tồn kho bị giảm giá trị nhưng công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Nếu việc chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuộc trường hợp phải điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29- Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót thì công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố sổ sách kế toán năm 2017 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29 này. Trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK 156 - Hàng hóa.

- Nếu việc chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho không thuộc trường hợp phải điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29 nêu trên, trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa.

Hỏi:

Kính gửi BTC, theo TT107/2017/TT-BTC về chế độ HCSN, năm 2019 NSNN cấp cho đơn vị 100 triệu mua sắm TSCĐ. Tài sản này vừa dùng cho hoạt động hành chính, vừa dùng cho hoạt động SXKD. Khi mua TSCĐ hạch toán: Nợ 211, Có 3661: 100triệu; cuối năm tính khấu hao: Nợ 642, có 214: 15 triệu; tính hao mòn: Nợ 611, có 214: 5 triệu; kết chuyển số hao mòn và khấu hao: Nợ 3661, có 511: 20tr. Vậy khi xác định kết quả kinh doanh sẽ có chênh lệch giữa TK 511 và TK611 là 5triệu. Phần chênh lệch này được xử lý như thế nào cho đúng quy định? Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Căn cứ Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hướng dẫn hạch toán mua sắm TSCĐ do NSNN cấp, hao mòn, trích khấu hao TSCĐ như sau:

(1) Rút dự toán mua TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211: 100.000.000đ

Có TK 36611: 100.000.000đ.

Đồng thời, ghi Có TK 008: 100.000.000đ.

(2) Tính hao mòn TSCĐ (theo ví dụ nêu tính hao mòn: 5.000.000tr), ghi:

Nợ TK 611: 5.000.000đ

Có TK 214: 5.000.000đ.

(3) Trích khấu hao (theo ví dụ của độc giả nêu trích khấu hao là: 15.000.000đ), ghi:

Nợ TK 154, 642: 15.000.000đ

Có TK 214: 15.000.000đ.

(4) Kết chuyển số hao mòn và khấu hao đã tính (trích), ghi:

Nợ TK 366: 20.000.000đ

Có TK 511: 20.000.000đ.

(5) Khi xác định kết quả, ghi:

- Nợ TK 511: 20.000.000đ

Có TK 911: 20.000.000đ

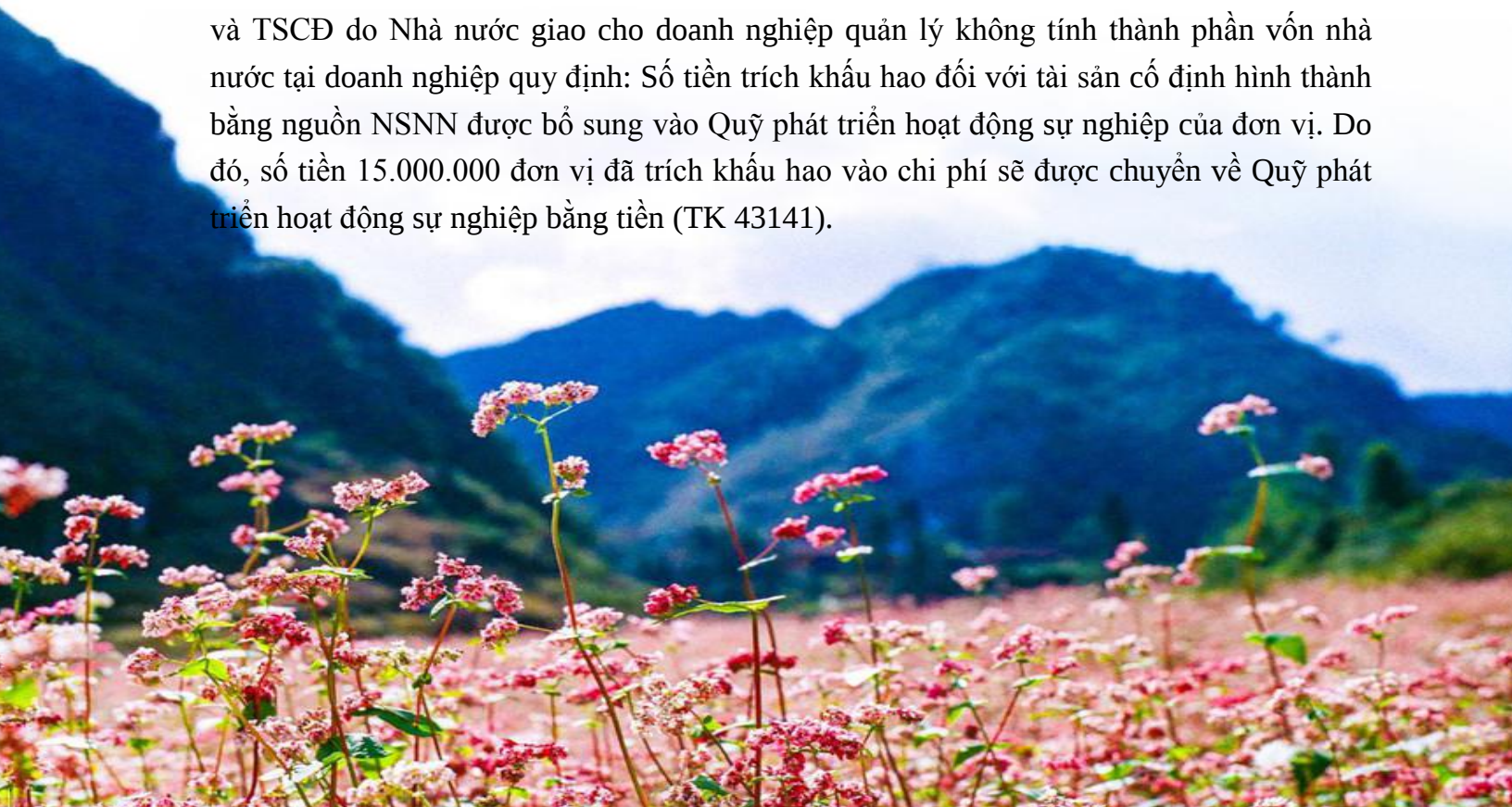
- Nợ TK 911: 20.000.000đ

Có TK 611: 5.000.000đ

Có TK 632, 642: 15.000.000đ

(Như vậy, tổng thặng dư, thâm hụt bằng 0).

Căn cứ khoản 5 Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định: Số tiền trích khấu hao đối với tài sản cố định hình thành bằng nguồn NSNN được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Do đó, số tiền 15.000.000 đơn vị đã trích khấu hao vào chi phí sẽ được chuyển về Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp bằng tiền (TK 43141).



2. CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ.

Công văn số:421/CT- TTHT ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế đối với hoạt động thi công công trình tại Lào

Trả lời công văn số 795CV/2019/CV9-TCKT đề ngày 25/11/2019 của Công ty cổ phần xây dựng số 9 (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau: Trường hợp Công ty phát sinh thu nhập từ hoạt động thi công công trình cho doanh nghiệp tại Lào thì:

- Về thuế nhà thầu: Trường hợp doanh nghiệp tại Lào (bên mua) không phát sinh thu nhập tại Việt Nam theo hợp đồng ký với công ty (bên bán) thì không phải kê khai nộp thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.
- Về thuế GTGT: Hoạt động thi công công trình tại Lào của công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp công ty không đáp ứng điều kiện về thuế suất thuế GTGT 0% thì công ty phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với doanh thu từ hoạt động thi công công trình cho doanh nghiệp tại Lào.

- Về thuế TNDN: Thu nhập của công ty từ hoạt động thi công công trình cho doanh nghiệp tại Lào phải kê khai, tính nộp thuế TNDN theo quy định. Trường hợp khoản thu nhập này đã bị đánh thuế thu nhập tại Lào thì khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, công ty được trừ một khoản thuế tương đương số thuế thu nhập đã nộp tại Lào nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định pháp luật của Việt Nam.

Công văn số:76/TCT-KK ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc hóa đơn Doanh nghiệp giải thể.

Tổng cục Thuế nhận được Công văn số 13567/CT-TTHT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh về việc hóa đơn doanh nghiệp giải thể. Về nội dung này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Trường hợp doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã quyết toán thuế, đã đóng mã số thuế, phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua được cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ là loại hóa đơn bán hàng thì Cục Thuế thực hiện cấp hóa đơn do Cục Thuế đặt in theo đúng hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp có hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế và thuộc trường hợp được khôi phục mã số thuế theo hướng dẫn tại Công văn số 3224/TCT-KK ngày 13/8/2019 của Tổng cục Thuế thì Cục thuế thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Điều 20 thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 3224/TCT-KK nêu

trên. Sau khi được khôi phục mã số thuế doanh nghiệp thực hiện phát hành, sử dụng hóa đơn theo đúng quy định của pháp luật về hóa đơn.

Công văn số: 948/CT-TTHT ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn số 18/2019 ngày 08/10/2019 của Công ty TNHH phát triển DT Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về sử dụng hóa đơn điện tử. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và Luật quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

1. Về chữ ký của người mua trên hóa đơn điện tử (HĐĐT):

Trường hợp người mua không phải là đơn vị kế toán hoặc là đơn vị kế toán nếu có các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty với người mua như: hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, biên nhận thanh toán, phiếu thu, hồ sơ, chứng từ liên quan khác... thì Công ty lập HĐĐT theo quy định, trên HĐĐT không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua (trừ trường hợp người mua là đơn vị kế toán yêu cầu phải có chữ ký điện tử của người mua trên hóa đơn).

2. Về tiêu thức chữ ký của người đại diện pháp luật và dấu của người bán trên HĐĐT chuyển đổi sang giấy:

Đối với các trường hợp áp dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì:

- Trường hợp chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một (01) lần thì HĐĐT chuyển đổi sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư 32/2011/TT-BTC và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật của người bán, dấu của người bán.
- Trường hợp chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán thì HĐĐT chuyển đổi sang hóa đơn giấy phục vụ lưu trữ phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư 32/2011/TT-BTC.

3. Về việc sử dụng tiếng Việt không dấu trên hóa đơn:

Trường hợp Công ty lập hóa đơn để giao khách hàng thì hóa đơn được thể hiện bằng tiếng Việt. Trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì chữ nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ nhỏ hơn chữ tiếng Việt theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC.

Công văn số: 997/CT-TTHT ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế GTGT.

Trả lời công văn số JFE-Acc-0102-2019 đề ngày 22/11/2019 và hồ sơ bổ sung ngày 09/12/2019 của Công ty JFE Engineering Corporation (sau đây gọi là Công ty) hỏi về thuế GTGT đối với các hạng mục công việc thực hiện, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP. Hà Nội hướng dẫn như sau:

Trường hợp Công ty ký hợp đồng số 58/YX-CP1/2018 ngày 31/10/2018 với Ban Quản lý dự án công trình cấp nước, thoát nước và môi trường TP Hà Nội (sau đây gọi là chủ đầu



tư) thi công Gói thầu 1: Xây dựng Nhà máy nước thải Yên Xá, thuộc Dự án Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá TP Hà Nội (sau đây gọi là Dự án) theo đó:

Đối với các hạng mục chung (chi phí bảo lãnh, công trình tạm, huy động, ngưng huy động, quản lý công trình, huy động từ nước ngoài) và công tác thi công xây lắp (phần chi phí huy động máy và nhân công từ nước ngoài) không thuộc trường hợp áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC nêu trên. Công ty phải lập hóa đơn tính thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Công văn số: 1966/CT-TTHT ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất phần mềm.

Trả lời công văn số 01/CV/TECHX ghi ngày 18/10/2019, công văn bổ sung thông tin tài liệu số 002/CV-BSTL ngày 26/12/2019 của Công ty cổ phần phần mềm TECHX (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty có dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm theo quy định của pháp luật thì thu nhập từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm được áp dụng:

+ Thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế;

+ Miễn thuế 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Về việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, đề nghị Công ty nghiên cứu Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ, Thông tư số 16/2014/TT-BTTTT ngày 18/11/2014, Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông để xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm.

Trường hợp Công ty phát sinh thu nhập từ hoạt động mua bán phần mềm, dịch vụ phần mềm thì thu nhập từ hoạt động này không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm theo quy định.

Công văn số 2191/CT-TTHT ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng.

Trả lời công văn số OVC191101 đề ngày 26/11/2019 của Công ty TNHH Oginno Việt Nam bổ sung thông tin, tài liệu cho công văn số OVC190701 đề ngày 24/10/2019 hỏi về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn nguyên tắc như sau:

Trường hợp năm 2019 Công ty TNHH Ogino Việt Nam có thực hiện dự án đầu tư mở rộng nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất của dự án đầu tư “Nhà máy Ogino Bắc Ninh” tại địa bàn khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí dự án đầu tư mở rộng quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính và địa bàn thực hiện dự án là Khu công nghiệp không nằm trên địa bàn có điều kiện – kinh tế xã hội thuận lợi thì Công ty được lựa chọn áp dụng hưởng ưu đãi theo địa bàn Khu công nghiệp đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại với thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn theo quy định tại

Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC, Điều 6 Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư phát sinh doanh thu.

Công ty phải hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại để kê khai hưởng ưu đãi. Trường hợp công ty không hạch toán riêng được phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.

Công văn số: 3207/CT-TTHT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế GTGT.

Trả lời công văn số 35/AIC đề ngày 15/01/2020 của Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế hỏi về thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty ký hợp đồng với chủ đầu tư về việc cung cấp các thiết bị trong trường học thì:

- Đối với các loại giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học quy định tại Khoản 12 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%.

- Đối với các mặt hàng khác không phải thiết bị chuyên dùng cho giảng dạy và học tập, các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học thì đề nghị Công ty nghiên cứu quy định tại Điều 4, Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC để xác định mức thuế suất thuế GTGT cụ thể.

Công văn số: 3663/CT-TTHT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc miễn thuế nhà thầu theo Hiệp định hàng không.

Trả lời công văn số 2712/CV/KVC ngày 27/12/2019 của Công ty TNHH KVC Logistics & Trading hỏi về miễn thuế nhà thầu theo Hiệp định hàng không, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Hiệp định hàng không dân dụng giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1992).
- Căn cứ Điều 8 Hiệp định giữa Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập (1995).

Căn cứ các quy định trên, việc miễn trừ thuế theo Hiệp định hàng không dân dụng giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa áp dụng cho xí nghiệp vận tải hàng không được chỉ định theo quy định tại Điều 12 của Hiệp định hàng không dân dụng nêu trên.

Trường hợp, Công ty TS Cargo International Co, Ltd là đại lý của hãng hàng không Shichuan Air Lines không đáp ứng điều kiện áp dụng Hiệp định hàng không dân dụng nêu trên thì không được miễn thuế theo quy định.

Công văn số: 3700/CT-TTHT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc sự dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn không số ngày 13/01/2020 bổ sung cho công văn ngày 19/12/2019 của Công ty TNHH Vision & Triumph (sau đây gọi là Công ty) về việc đề nghị được sử dụng hóa đơn điện tử khi đang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:



Công ty đã sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế từ tháng 1/2017 (đến nay hết thời hạn 12 tháng). Trường hợp Công ty đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng đề nghị Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công ty có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng từ ngày đầu tháng đến hết ngày dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế và chuyển sang nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý cho cơ quan thuế kể từ ngày kế tiếp theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC nêu trên.

Công ty TNHH Vision & Triumph phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc khởi tạo, lập và sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

Chi phí đóng góp vào các quỹ hiệp hội có được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp không?

Khi tham gia vào các Hiệp hội, doanh nghiệp phải nộp một số khoản phí để duy trì hoạt động của Hiệp hội. Vậy doanh nghiệp có được trừ các chi phí này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp hay không?

Tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
- b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- c) Khoản chi có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (đã gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng...

Trong đó có quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như: Phần chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội (các Hiệp hội này được thành lập theo quy định của pháp luật) vượt quá mức quy định của Hiệp hội.

Như vậy, trường hợp công ty phát sinh chi phí đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội được thành lập theo quy định của pháp luật, nếu phần chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội phù hợp với mức quy định của Hiệp hội thì được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Trường hợp phần chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội nêu trên vượt quá mức quy định của Hiệp hội thì không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Khai nộp thuế TNCN khi chuyển nhượng BĐS đồng sở hữu.

Chuyển nhượng bất động sản là hoạt động thường xuyên trong đời sống xã hội. Những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động này được độc giả hết sức quan tâm, đặc biệt là chính sách thuế thu nhập cá nhân, một trong những vấn đề đó là trường hợp chuyển nhượng bất động sản có đồng sở hữu.

Theo quy định tại Điều 17 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính thì căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản là giá chuyển nhượng từng lần và thuế suất.

Thuế suất đối với chuyển nhượng bất động sản là 2% trên giá chuyển nhượng hoặc giá cho thuê lại.

Cách tính Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được xác định như sau:



Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 2%

Trường hợp chuyển nhượng bất sản là đồng sở hữu thì nghĩa vụ thuế được xác định riêng cho từng người nộp thuế theo tỷ lệ sở hữu bất động sản. Căn cứ xác định tỷ lệ sở hữu là tài liệu hợp pháp như: thỏa thuận góp vốn ban đầu, di chúc hoặc quyết định phân chia của toà án... Trường hợp không có tài liệu hợp pháp thì nghĩa vụ thuế của từng người nộp thuế được xác định theo tỷ lệ bình quân.

Về khai thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản tại khoản 3 Điều 26 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn như sau: Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản thực hiện khai thuế theo từng lần phát sinh, kể cả trường hợp thuộc đối tượng được miễn thuế.

Trường hợp khai thay hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, thì tổ chức, cá nhân khai thay ghi thêm “Khai thay” vào phần trước cụm từ “Người nộp thuế hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” đồng thời người khai ký, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức khai thay thì sau khi ký tên phải đóng dấu của tổ chức. Trên hồ sơ tính thuế, chứng từ thu thuế vẫn phải thể hiện đúng người nộp thuế là cá nhân chuyển nhượng bất động sản.

Tổ chức trả thu nhập có được Cơ quan Thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN khi ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế?

Công ty đang làm thủ tục giải thể, cơ quan Thuế đã chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế sang trạng thái 03 (người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế). Khi Công ty tiến hành giải thể thì vẫn phải cấp biên lai khấu trừ thuế TNCN cho lao động trong năm. Vậy trong trường hợp này, trạng thái mã số thuế của người nộp thuế đang ngừng hoạt động thì có được cơ quan thuế không cấp được chứng từ khấu trừ thuế TNCN để cấp cho người lao động hay không?

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC (sửa đổi bổ sung điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 156/2016/TT-BTC, hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC; phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc; bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó.

Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế. Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế. Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có). Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.

Như vậy, trong trường hợp tổ chức trả thu nhập ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, để đảm bảo hồ sơ khai Quyết toán thuế của người nộp thuế được đầy đủ đúng quy định thì Cơ quan Thuế căn cứ vào nhu cầu thực tế cấp chứng từ khấu trừ thuế cho Công ty để Công ty cấp cho người nộp thuế.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Bộ luật Lao động số:45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

Cụ thể, trước đây theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2012, có 03 loại hợp đồng lao động (HĐLĐ) là: HĐLĐ không xác định thời hạn; HĐLĐ xác định thời hạn; HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng. Hiện nay, theo quy định mới thì chỉ còn 02 loại HĐLĐ. Từ ngày 01/01/2021, người sử dụng lao động không được ký kết hợp đồng thời vụ với người lao động.

Mặt khác, Bộ luật cũng quy định người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không cần lý do, thậm chí trong một số trường hợp cụ thể, người lao động có thể đơn phương chấm dứt HĐLĐ mà không cần báo trước. Cụ thể: Người lao động không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc; Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn; Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc...

Bên cạnh đó, Bộ luật còn quy định tăng tuổi nghỉ hưu đối với lao động nam làm việc trong điều kiện bình thường từ 60 tuổi lên 62 tuổi vào năm 2028 và tăng từ 55 tuổi lên đến 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Bắt đầu từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của lao động nam trong điều kiện bình thường là 60 tuổi 03 tháng và nữ là 55 tuổi 04 tháng. Sau đó, mỗi năm tuổi nghỉ hưu sẽ tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

Bộ luật Lao động có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Bộ luật này:

- Làm hết hiệu lực Bộ luật Lao động 2012;
- Làm hết hiệu lực một phần Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015;
- Sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội 2014.

Luật Chứng khoán số:54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

Theo đó, công ty cổ phần muốn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thì phải thoả mãn điều kiện:

- Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán (Hiện hành chỉ cần số vốn điều lệ đã góp là 10 tỷ đồng);
- Hoạt động kinh doanh của 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi; đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;
- Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ngoài ra, công ty còn cần đáp ứng một số điều kiện mới như:

- Tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn (tỷ lệ này là 10% nếu vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng trở lên);
- Cổ phiếu của tổ chức phát hành phải được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán...
- Luật được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.
- Luật này làm hết hiệu lực Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010.

Thông tư số:11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 16 tháng 12 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT về quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả.

Theo đó, thời gian thanh toán chi phí lựa chọn thầu qua mạng đấu thầu quốc gia được quy định như sau:

- Nhà thầu, nhà đầu tư thanh toán chi phí đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngay tại thời điểm đăng ký.
- Đối với chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu, nhà đầu tư trên hệ thống thì thời hạn mà nhà thầu, nhà đầu tư phải thanh toán là Quý I hàng năm (trừ năm đăng ký).
- Các chi phí nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thì thời hạn thanh toán tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày mở thầu (Hiện thành không quy định rõ về thời hạn thanh toán đối với chi phí này).
- Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/02/2020.
- Thông tư này làm hết hiệu lực Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.



DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 02/2020



STT	Tên Văn Bản	Ngày
NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định 94/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác	BH: 13/12/2019 HL: 01/02/2020
2	Nghị định 95/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng	BH: 16/12/2019 HL: 10/02/2020
3	Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	BH: 30/12/2019 HL: 15/02/2020
4	Nghị định 98/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	BH: 27/12/2019 HL: 15/02/2020
5	Nghị định 97/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự	BH: 23/12/2019 HL: 15/02/2020
6	Nghị định 04/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y	BH: 03/01/2020 HL: 18/02/2020

7	Nghị định 07/2020/NĐ-CP của Chính phủ về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019 - 2022	BH: 05/01/2020 HL: 20/02/2020
8	Nghị định 06/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	BH: 03/01/2020 HL: 20/02/2020
9	Nghị định 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại	BH: 08/01/2020 HL: 24/02/2020
THÔNG TƯ		
1	Thông tư 30/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh	BH: 03/12/2019 HL: 01/02/2020
2	Thông tư 15/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ liên tịch ban hành	BH: 27/11/2019 HL: 01/02/2020
3	Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả	BH: 16/12/2019 HL: 01/02/2020
4	Thông tư 87/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc Nhà nước	BH: 19/12/2019 HL: 01/02/2020
5	Thông tư 32/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 và Phụ lục số 01-MP Thông tư 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm	BH: 16/12/2019 HL: 01/02/2020

6	Thông tư 49/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội	BH: 17/12/2019 HL: 01/02/2020
7	Thông tư 20/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy trình kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường	BH: 18/12/2019 HL: 05/02/2020
8	Thông tư 21/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia	BH: 20/12/2019 HL: 05/02/2020
9	Thông tư 42/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành	BH: 18/12/2019 HL: 05/02/2020
10	Thông tư 24/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn	BH: 24/12/2019 HL: 07/02/2020
11	Thông tư 23/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức ban hành kèm theo Thông tư 17/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BH: 25/12/2019 HL: 10/02/2020
12	Thông tư 89/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	BH: 26/12/2019 HL: 10/02/2020

13	Thông tư 16/2019/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tặng Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ"	BH: 10/12/2019 HL: 10/02/2020
14	Thông tư 29/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng	BH: 27/12/2019 HL: 12/02/2020
15	Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông	BH: 20/12/2019 HL: 12/02/2020
16	Thông tư 10/2019/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	BH: 30/12/2019 HL: 12/02/2020
17	Thông tư 28/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về yêu cầu kỹ thuật kiểm nghiệm hóa chất, kháng sinh cấm trong thực phẩm thủy sản	BH: 31/12/2019 HL: 13/02/2020
18	Thông tư 38/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Y tế	BH: 30/12/2019 HL: 14/02/2020
19	Thông tư 51/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống thông tin duyên hải để cung ứng dịch vụ thông tin duyên hải	BH: 24/12/2019 HL: 14/02/2020

20	Thông tư 34/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với nguồn vốn ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ	BH: 31/12/2019 HL: 14/02/2020
21	Thông tư 32/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam	BH: 31/12/2019 HL: 14/02/2020
22	Thông tư 52/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành	BH: 25/12/2019 HL: 15/02/2020
23	Thông tư 33/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
24	Thông tư 50/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển Giao thông Vận tải Việt Nam"	BH: 20/12/2019 HL: 15/02/2020
25	Thông tư 48/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	BH: 17/12/2019 HL: 15/02/2020
26	Thông tư 09/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
27	Thông tư 27/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	BH: 27/12/2019 HL: 15/02/2020

28	Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng	BH: 27/12/2019 HL: 15/02/2020
29	Thông tư 12/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
30	Thông tư 10/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
31	Thông tư 18/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quy đổi vốn đầu tư xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
32	Thông tư 17/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
33	Thông tư 16/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
34	Thông tư 15/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
35	Thông tư 14/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chỉ số giá xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
36	Thông tư 13/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
37	Thông tư 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định giá cả máy và thiết bị thi công xây dựng	BH: 26/12/2019 HL: 15/02/2020
38	Thông tư 26/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	BH: 30/12/2019 HL: 15/02/2020

39	Thông tư 91/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	BH: 31/12/2019 HL: 15/02/2020
40	Thông tư 25/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	BH: 31/12/2019 HL: 15/02/2020
41	Thông tư 13/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh	BH: 31/12/2019 HL: 15/02/2020
42	Thông tư 19/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy hoạch băng tần 694-806 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam	BH: 25/12/2019 HL: 16/02/2020
43	Thông tư 185/2019/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ	BH: 04/12/2019 HL: 18/02/2020
44	Thông tư 27/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định phương tiện, thiết bị kỹ thuật của Thanh tra tài nguyên và môi trường	BH: 31/12/2019 HL: 18/02/2020
45	Thông tư 38/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng tại Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	BH: 31/12/2019 HL: 19/02/2020
46	Thông tư 33/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu,	BH: 31/12/2019 HL: 19/02/2020

	chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	
47	Quyết định 22/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chí chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh	BH: 31/12/2019 HL: 20/02/2020
48	Thông tư 29/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước	BH: 31/12/2019 HL: 20/02/2020
49	Thông tư 36/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia	BH: 31/12/2019 HL: 20/02/2020
50	Thông tư 01/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	BH: 03/01/2020 HL: 20/02/2020
51	Thông tư 04/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư 132/2008/TT-BTC ngày 29/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Thông tư 05/2008/TT-BTC ngày 14/01/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho Dự án Hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ	BH: 06/01/2020 HL: 20/02/2020
52	Thông tư 03/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư 26/2013/TT-BTC ngày 11/3/2013 của Bộ Tài chính quy định thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1	BH: 06/01/2020 HL: 20/02/2020

53	Thông tư 02/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc sử dụng các khoản kinh phí liên quan đến hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển do Bộ Giao thông vận tải quản lý kết hợp thu hồi sản phẩm	BH: 06/01/2020 HL: 24/02/2020
54	Thông tư 56/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	BH: 31/12/2019 HL: 25/02/2020
55	Thông tư 01/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan năm 2020	BH: 14/01/2020 HL: 29/02/2020
QUYẾT ĐỊNH		
1	Quyết định 151/QĐ-BNN-TT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BH: 09/01/2020 HL: 01/02/2020
2	Quyết định 05/2019/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu đối với lĩnh vực kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách bộ, ngành	BH: 31/12/2019 HL: 14/02/2020
3	Quyết định 04/2019/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong lĩnh vực kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương	BH: 31/12/2019 HL: 14/02/2020
4	Quyết định 36/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải	BH: 10/01/2020 HL: 15/02/2020

5	Quyết định 37/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 01/2016/QĐ-TTg ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai	BH: 27/12/2019 HL: 15/02/2020
6	Quyết định 36/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính	BH: 25/12/2019 HL: 15/02/2020
7	Quyết định 35/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy chế phối hợp liên ngành quản lý hoạt động nhập khẩu phế liệu	BH: 19/12/2019 HL: 15/02/2020
8	Quyết định 38/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	BH: 31/12/2019 HL: 20/02/2020
9	Quyết định 04/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc ban hành kèm theo Quyết định 26/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ	BH: 13/01/2020 HL: 28/02/2020

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

